

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31/01/2018

“V/v xin Ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thẩm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Tú;

Bà Nguyễn Thị Kim Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa: thuộc trường hợp không tham gia.

Trong ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 300/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc “Xin Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị T (T)**, sinh năm 1980 - Có mặt;

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Mỹ Thới 2, xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long;

- Bị đơn: Anh **Trần Thanh T**, sinh năm 1976 – Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 5, ấp Mỹ Thới 2, xã Mỹ Hòa, thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại Đơn khởi kiện ngày 29 tháng 9 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị T (T) trình bày: Chị và anh T được sự mai mối và đi đến kết hôn vào năm 1999, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hòa theo giấy đăng ký kết hôn số 14, quyển số 01, ngày 20/3/2003. Thời gian đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2015 cho đến nay thì giữa chị và anh T có nhiều mâu thuẫn trong hôn nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cự cãi nhau và đã sống

ly thân từ tháng 9 năm 2016 đến nay. Quá trình chung sống chị T (T) và anh T có với nhau hai con chung tên Trần Tuấn K, sinh ngày 14/02/2000 và Trần Minh Th, sinh ngày 08/02/2004 hiện tại hai con đang sống chung với chị.

Nay chị T (T) nhận thấy mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn được nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Thanh T và được nuôi hai con chung tên Trần Tuấn K và Trần Minh Th, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai đề ngày 20/12/2017 và biên bản hòa giải ngày 20/12/2017 bị đơn anh Trần Thanh T trình bày: Quá trình kết hôn đúng như lời trình bày của chị T (T). Anh và chị T (T) do mai mối đi đến kết hôn, vợ chồng có đăng ký kết hôn và có với nhau hai người con chung tên Trần Tuấn K, sinh ngày 14/02/2000 và Trần Minh Th, sinh ngày 08/02/2004, con hiện sống chung với anh và chị T (T) ở Mỹ Hòa. Nay chị T (T) yêu cầu ly hôn anh không đồng ý do còn thương vợ con, anh muốn hai vợ chồng cùng sống chung nhà và chăm sóc hai con. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

* Tại bản tự khai cùng đề ngày 29/9/2017 của cháu Trần Tuấn K và cháu Trần Minh Th trình bày: Cha mẹ sống chung với nhau đã lâu, trong quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn nên cha mẹ đã ly thân từ năm 2016. Nay cha mẹ ly hôn, bản hai thân cháu yêu cầu được sống với mẹ và xin vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên xét xử.

* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn trình bày: Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, xin được ly hôn với anh Trần Thanh T vì tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung chị yêu cầu được nuôi 02 người con chung tên Trần Tuấn K và Trần Minh Th và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Bị đơn trình bày: Anh không đồng ý yêu cầu ly hôn của chị T (T) do còn thương vợ con, anh muốn hai vợ chồng cùng sống chung nhà và chăm sóc hai con. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Nguyên đơn và bị đơn có nơi cư trú tại thị xã Bình Minh, nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh theo quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của chị Trần Thị T (T) và anh Trần Thanh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Đã là vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau

chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình được quy định tại khoản 1, Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Trong cuộc sống hôn nhân của chị T (T) và anh T thường xuyên xảy ra cự cãi do bất đồng quan điểm làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, hiện tại giữa chị T (T) và anh T đã ly thân từ tháng 9 năm 2016 cho đến nay. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T (T) là phù hợp quy định tại khoản 1, Điều 9 và Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị T (T) và anh T sinh được hai người con chung tên Trần Tuấn K, sinh ngày 14/02/2000 và Trần Minh Th, sinh ngày 08/02/2004, chị T (T) yêu cầu được nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Tại bản tự khai đề ngày 29/9/2017 của cháu Trần Tuấn K, sinh ngày 14/02/2000 và cháu Trần Minh Th, sinh ngày 08/02/2004 cùng trình bày: Cha mẹ sống chung với nhau đã lâu, trong quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn nên cha mẹ đã ly thân từ năm 2016. Nay cha mẹ ly hôn, bản thân hai cháu có nguyện vọng được sống với mẹ và xin vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên xét xử.

Xét đề nghị của chị T (T), nguyện vọng của cháu Trần Tuấn K và Trần Minh Th. Để đảm bảo cho việc phát triển về thể chất, tinh thần của hai cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Trần Tuấn K và Trần Minh Th cho chị T (T) tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T (T) không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh T không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 4, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án, chị Trần Thị T (T) là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T (T).

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T (T) được ly hôn với Trần Thanh T.

2. Về con chung: Chị Trần Thị T (T) được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng hai người con chung tên Trần Tuấn K, sinh ngày 14/02/2000 và Trần Minh Th, sinh ngày 08/02/2004. Anh Trần Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T (T)

tự nguyện không yêu cầu. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị T (T) phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008829, ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Minh. Chị T (T) đã nộp xong án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt các đương sự, Tòa án báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tú Nguyễn Thị Kim Loan Nguyễn Thị Lệ Thắm

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh VL: 01
- VKSND TXBM: 01
- Chi cục THADS TXBM: 01
- Đường sự: 02
- Lưu: 04

Nguyễn Thị Lệ Thẩm

